

Phụ lục: Đề nghị đính chính các số liệu như sau

(Kèm theo Công văn số 160 /CV-BCĐ ngày 15/01/2016 của Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Thanh Hóa)

1. Bảng 7: Nhà cửa vật, kiến trúc tại thời điểm 31/12/2014

- Thông tin đã công bố:

Đơn vị tính: Đồng

	Giá trị sổ sách kế toán	Giá trị đánh giá lại
Nguyên giá	116.175.858.843	81.959.826.084
Giá trị còn lại	205.277.131.563	114.084.136.852
Chênh lệch	89.101.272.720	32.124.310.768

(Nguồn: Hồ sơ xác định GTDN tại thời điểm 31/12/2014- Công ty TNHH MTV Cấp nước Thanh Hóa)

- Đề nghị đính chính lại như sau:

Đơn vị tính: Đồng

	Giá trị sổ sách kế toán	Giá trị đánh giá lại	Chênh lệch
Nguyên giá	116.175.858.843	205.277.131.563	89.101.272.720
Giá trị còn lại	81.959.826.084	114.084.136.852	32.124.310.768

(Nguồn: Phụ lục số 1a, Hồ sơ xác định GTDN tại thời điểm 31/12/2014- Công ty TNHH MTV Cấp nước Thanh Hóa)

2. Bảng 9: Máy móc thiết bị tại thời điểm 31/12/2014

- Thông tin đã công bố:

Đơn vị tính: Đồng

	Giá trị sổ sách kế toán	Giá trị đánh giá lại	Chênh lệch
Nguyên giá	104.073.662.826	104.316.696.193	243.033.367
Giá trị còn lại	63.285.294.906	65.467.934.282	2.182.639.376

(Nguồn: Hồ sơ xác định GTDN tại thời điểm 31/12/2014- Công ty TNHH MTV Cấp nước Thanh Hóa)

- Đề nghị đính chính lại như sau:

Đơn vị tính: Đồng

	Giá trị sổ sách kế toán	Giá trị đánh giá lại	Chênh lệch
Nguyên giá	104.781.502.526	104.316.696.193	(464.806.333)
Giá trị còn lại	63.285.294.906	65.467.934.282	2.182.639.376

(Nguồn: Phụ lục số 1a, Hồ sơ xác định GTDN tại thời điểm 31/12/2014- Công ty TNHH MTV Cấp nước Thanh Hóa)

3. Bảng 10: Một số tài sản máy móc thiết bị tiêu biểu



- Thông tin đã công bố:

Nguồn: Hồ sơ xác định GTDN tại thời điểm 30/9/2014- Công ty TNHH MTV Cấp nước Thanh Hóa.

- Đề nghị đính chính lại như sau:

Nguồn: Hồ sơ xác định GTDN tại thời điểm 31/12/2014- Công ty TNHH MTV Cấp nước Thanh Hóa.

4. Bảng 11: Phương tiện vận tải, truyền dẫn tại thời điểm 31/12/2014

- Thông tin đã công bố:

Đơn vị tính: Đồng

	Giá trị sổ sách kế toán	Giá trị đánh giá lại	Chênh lệch
Nguyên giá	231.494.276.514	483.370.522.753	251.876.246.239
Giá trị còn lại	154.046.969.826	210.925.364.027	56.878.394.201

(Nguồn: Hồ sơ xác định GTDN tại thời điểm 30/9/2014- Công ty TNHH MTV Cấp nước Thanh Hóa)

- Đề nghị đính chính lại như sau:

Đơn vị tính: Đồng

	Giá trị sổ sách kế toán	Giá trị đánh giá lại	Chênh lệch
Nguyên giá	234.620.254.584	483.370.522.753	248.750.268.169
Giá trị còn lại	154.378.509.550	210.925.364.027	56.546.854.477

(Nguồn: Phụ lục số 1a, Hồ sơ xác định GTDN tại thời điểm 31/12/2014- Công ty TNHH MTV Cấp nước Thanh Hóa)

5. Bảng 14: Cơ cấu chi phí từ 2012 – Quý III/2015

- Thông tin đã công bố:

+ Đơn vị: Triệu đồng

+ Năm 2014:

- Giá vốn hàng bán: 132.358.142.510
- Chi phí quản lý doanh nghiệp: 16.860.595.551
- Tổng cộng: 173.651.794.504

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2012, 2013, BCTC sau kiểm tra liên ngành 2014 và BCTC tự lập đến Quý III/2015 của Công ty TNHH MTV Cấp nước Thanh Hóa)

- Đề nghị đính chính lại như sau:

+ Đơn vị tính: Đồng

+ Năm 2014:

- Giá vốn hàng bán: 132.353.985.810

- Chi phí quản lý doanh nghiệp: 16.864.752.251
- Tổng cộng: 172.430.999.658

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2012, 2013, BCTC sau kiểm tra liên ngành 2014 và BCTC tự lập đến Quý III/2015 của Công ty TNHH MTV Cấp nước Thanh Hóa)

6. Bảng 16: Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh từ 2012-Quý III/2015

- Thông tin đã công bố:

+ Năm 2014:

- Tổng giá trị tài sản: 409.151.230.998
- Vốn chủ sở hữu: 228.261.102.384
- Nợ ngắn hạn: 52.573.677.698
- Nợ dài hạn: 128.316.450.916

+ Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2012, 2013, BCTC sau kiểm tra liên ngành 2014 và BCTC tự lập đến Quý III/2015 của Công ty TNHH MTV Cấp nước Thanh Hóa.

- Đề nghị đính chính lại như sau:

+ Năm 2014:

- Tổng giá trị tài sản: 504.044.228.845
- Vốn chủ sở hữu: 323.154.100.231
- Nợ ngắn hạn: 50.293.208.609
- Nợ dài hạn: 130.596.920.005

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2012, 2013, BCTC sau kiểm tra liên ngành 2014, Bảng cân đối kế toán trong Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp tại 31/12/2014 và BCTC tự lập đến Quý III/2015 của Công ty TNHH MTV Cấp nước Thanh Hóa).

7. Bảng 20: Số tiền dự kiến nộp về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp

- Thông tin đã công bố:

TT	Khoản mục	Giá trị (đồng)
1	Vốn điều lệ Công ty cổ phần	318.277.000.000
2	Vốn Nhà nước sau khi đánh giá lại	318.277.566.466
3	Vốn Nhà nước làm tròn tương ứng	318.277.000.000
4	Hoàn trả ngân sách sau khi làm tròn vốn Nhà nước	566.466
5	Giá trị phát hành thêm để lại doanh nghiệp	-
6	Tổng số tiền thu từ bán cổ phần	116.069.008.000

7	- Từ bán cổ phần ưu đãi 60% cho CBCNV	6.224.688.000
8	- Từ bán cổ phần cam kết làm việc cho CBCNV	23.460.000.000
9	- Từ bán đấu giá công khai	86.384.320.000
10	Thặng dư vốn cổ phần để lại Doanh nghiệp sau khi phát hành thêm tương ứng tỷ lệ cổ phần phát hành thêm /vốn điều lệ	-
11	Chi phí cổ phần hóa	500.000.000
12	Chi phí trợ cấp lao động dôi dư	1.320.624.000
13	Tổng số tiền hoàn vốn ngân sách (13) = (1)-(3)+(4)-(5)-(10)-(11)-(12)	114.248.950.466

(Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Thanh Hóa)

- Đề nghị điều chỉnh lại như sau:

Các thông tin từ Mục 1 đến Mục 5 (Vốn điều lệ của Công ty cổ phần, Vốn nhà nước sau khi đánh giá lại) đã thể hiện tại các nội dung khác của Bản công bố thông tin. Vì vậy, Bảng 20 chỉ thể hiện các nội dung sau:

TT	Khoản mục	Giá trị (đồng)
1	Tổng số tiền thu từ bán cổ phần	133.345.872.000
	- Từ bán cổ phần ưu đãi 60% cho CBCNV	6.224.688.000
	- Từ bán cổ phần cam kết làm việc cho CBCNV	23.460.000.000
	- Từ bán đấu giá công khai	103.661.184.000
2	Thặng dư vốn cổ phần để lại Doanh nghiệp sau khi phát hành thêm tương ứng tỷ lệ cổ phần phát hành thêm /vốn điều lệ	-
3	Chi phí cổ phần hóa	500.000.000
4	Chi phí trợ cấp lao động dôi dư	1.320.624.000
5	Tổng số tiền hoàn vốn ngân sách (5) = (1)-(3)-(4)	131.525.248.000

(Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước Thanh Hóa)